TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 10 - 2018
"V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂKLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đăng Huấn.
2. Ông Bùi Văn Liên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng .

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D – Sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Lê Hoài N – Sinh năm 1983.
Địa chỉ: TDP 1, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Anh N vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11/6/2018, tại biên bản lấy lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Lê Hoài N kết hôn vào ngày 20/02/2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến năm 2015 thì giữa chị và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường uống rượu say và đánh đập vợ con, không quan tâm chăm sóc gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm với nhau nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hoài N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Mỹ D1 (Sinh

ngày 27/11/2013). Hiện nay cháu D1 đang sống cùng chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Nam đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về phân chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/7/2018, bị đơn anh Lê Hoài N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn vào ngày 20/02/2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung tên là Nguyễn Mỹ D1 (Sinh ngày 27/11/2013). Hiện nay cháu D1 đang sống cùng chị D. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cho chị D được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 đến tuổi trưởng thành. Anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị D.

Về phân chia tài sản chung: Nếu ly hôn anh không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn là anh Lê Hoài N. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh N đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hoài N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị D đã khởi kiện xin ly hôn anh N. Như vậy, tranh chấp giữa chị D và anh N là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả chị D và anh N đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu ly hôn. Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh N thì thấy rằng giữa chị D và anh N có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh N có 01 con chung là Nguyễn Mỹ D1. Chị D có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh N cũng đồng ý với yêu cầu của chị D. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu D1 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không buộc anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị D.

Về phân chia tài sản chung: Cả chị D và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị D là người có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Lê Hoài N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mỹ D1 (Sinh ngày 27/11/2013) đến tuổi trưởng thành, anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị D và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0002678 ngày 19/6/2018.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn K;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Ngọc San